TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1210/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/10/2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

2. Ông Huỳnh Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Như – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 425/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 262/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn C (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A Ấp S, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A Ấp S, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày:

Ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/01/1992. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ Số A Ấp S, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên từ năm 2015, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bà L không còn quan tâm chăm sóc gia đình, không cùng ông C chăm lo kinh tế. Từ đó, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên tranh cãi. Ông C đã cố gắng hàn gắn gia đình nhiều lần nhưng không có kết quả. Không khí trong gia đình trở nên ngột ngạt, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay ông C nhận

thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên ông C yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông C và bà L có 02 con chung tên Phạm Duy K (sinh ngày 28/3/1993 – chết ngày 16/4/2016) và Phạm Đức D (sinh ngày 14/8/1994 – đã trưởng thành). Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải và thời hạn xét xử, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 16/10/2018. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 14/01/1992 do UBND xã X, huyện H, Tp. Hồ Chí Minh cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà L là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của ông C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải nhưng bà L vẫn không đến Tòa án cung cấp lời khai, cũng như tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không thể hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, tiếp tục chung sống với nhau. Theo lời khai của ông C thì mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh từ năm 2015 và đến nay ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà L. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy đời sống chung vợ chồng của ông C và bà L đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho ông C được ly hôn với bà L.

[6] Về con chung: Ông C và bà L có 02 con chung tên Phạm Duy K (sinh ngày 28/3/1993, chết ngày 16/4/2016) và Phạm Đức D (sinh ngày 14/8/1994, đã trưởng thành) và đương sự không có yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, ông C chịu, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Phạm Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Ông C và bà L có 02 con chung tên Phạm Duy K (sinh ngày 28/3/1993 – chết ngày 16/4/2016) và Phạm Đức D (sinh ngày 14/8/1994, đã trưởng thành). Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông C phải nộp 300.000(ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000(ba trăm nghìn) đồng mà ông C đã nộp theo biên lai số AA/2017/0018289 ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông C đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã X, huyện H;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam